TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM - ST
Ngày 09 - 8 - 2018.
"V*/v: Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền Dịch vụ và hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Dõi và ông Trần Ngọc Vinh

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST- KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2018, về *""Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền trong hợp đồng dịch vụ và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Vụ án được đưa ra xét xử theo quyết định số 02/2018/QĐXXST - KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST – KDTM, ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Công ty H.

Trụ sở: Cụm Công nghiệp S, thị trấn D, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng C - Giám đốc. (Có mặt).

**** Bị đơn:*** Công ty R.

Trụ sở: Cụm Công nghiệp S, thị trấn D, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Đỗ D1- Giám đốc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2018 Công ty H trình bày*:* Ngày 02/01/2015, Công ty H (gọi tắt là Công ty HN) và Công ty R (gọi tắt là Công ty MT) có ký kết Hợp đồng vận tải gỗ dăm số 01/01/2015/HĐKT. Theo Hợp đồng, Công ty HN đã

vận chuyển gỗ dăm cho Công ty MT với đơn giá 25.000đ/m3, nơi bốc gỗ dăm là sân của Công ty MT, nơi bốc gỗ dăm xuống là cảng F.

Trong quá trình làm ăn với nhau theo yêu cầu của Công ty MT thì Công ty HN đã chuyển cho Công ty MT vay số tiền 150.000.000đồng vào ngày 10/6/2016 và đến ngày 18/7/2016 tiếp tục vay số tiền 30.000.000đồng (Tổng cộng 180.000.000đồng). Ngày 23/8/2016 đại diện hai Công ty đã đối chiếu công nợ, tổng cộng Công ty MT còn nợ Công ty HN 490.896.190đ trong đó tiền nợ vận chuyển là 310.869.190đ, tiền nợ vay là 180.000.000đ, hai bên thỏa thuận đến ngày 31/12/2017 Công ty MT sẽ trả số nợ trên cho Công ty HN nhưng đến nay Công ty MT không trả nợ.

Nay Công ty HN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết buộc Công ty MT phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng vận chuyển là 310.896.190đồng và 180.000.000đồng nợ vay. Tổng cộng 490.896.190đồng *(*Bốn trăm chín mươi triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Tại bản tự khai ngày 06/5/2018 đại diện Công ty R trình bày: Vào ngày 20/12/2010 Công ty R (gọi tắt là Công ty MT) có góp vốn kinh doanh với ông Nguyễn Hồng C1, ông Thang Văn H1 và ông Võ Văn L xây dựng nhà máy dăm và lập ra công ty vận chuyển gỗ dăm là Công ty H (gọi tắt là Công ty HN) và để ông Nguyễn Hồng C làm giám đốc. Nay ông C thay mặt Công ty HN đòi nợ là không đúng. Tại biên bản C giải đại diện Công ty MT trình bày vào ngày 02/01/2015, Công ty HN và Công ty MT có ký kết Hợp đồng vận tải dăm gỗ. Theo Hợp đồng, Công ty HN đã vận chuyển cho Công ty MT nhiều lần và tổng số tiền cước phí vận chuyển được hai bên xác nhận nợ, theo đó Công ty MT còn nợ Công ty HN số tiền 310.896.190đồng.

Trong quá trình làm ăn với nhau theo yêu cầu của Công ty MT thì Công ty HN đã chuyển cho Công ty MT vay số tiền 150.000.000đồng vào ngày 10/6/2016 và đến ngày 18/7/2016 tiếp tục vay số tiền 30.000.000đồng (Tổng cộng 180.000.000đồng); Đến ngày 23/8/2016, đại diện hai Công ty thỏa thuận thống nhất đến ngày 31/12/2017 thì Công ty MT trả nợ dứt điểm cả hai khoản nợ nhưng không thực hiện đúng theo cam kết đó.

Nay Công ty HN khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết buộc Công ty MT phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng vận chuyển là 310.896.190đồng và 180.000.000đồng. Tổng cộng 490.896.190đồng *(Bốn trăm chín mươi triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi đồng)*, không yêu cầu tính lãi. Đại diện cho Công ty MT đồng ý trả nợ nhưng đề nghị đợi kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với vụ án "Tranh chấp giữa Công ty với các thành viên của Công ty" mà nguyên đơn là Công ty R và các thành viên góp vốn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có ý kiến: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự, phía bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không đến tham dự phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

Áp dụng: Điều 74; Điều 78; Điều 82; Điều 85; Điều 87 Luật thương mại; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc Công ty R phải trả cho Công ty H 310.896.190 đ tiền vận chuyển và 180.000.000đ tiền vay.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty H.

Công ty R phải chịu án phí Kinh doanh thương mại và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án "*Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền trong hợp đồng dịch vụ và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định Điều 26, điểm a, b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Công ty R được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Hội đồng xét xử thấy ngày 02/01/2015, Công ty HN và Công ty MT có ký kết hợp đồng vận tải dăm gỗ số 01/01/2015/HĐKT. Theo Hợp đồng, Công ty HN đã vận chuyển gỗ dăm cho Công ty MT với đơn giá 25.000đ/m3 nơi bốc gỗ dăm là sân của Công ty MT nơi bốc gỗ dăm xuống là cảng F. Ngày 01 tháng 5 năm 2015 hai bên ký lại một phụ lục hợp đồng số 01/01/2015/PLHĐKT tiền công vận chuyển giảm từ 25.000đ/m^3 xuống còn 22.000đ/m^3. Ngày 10/6/2016 và ngày 18/7/2016 Công ty HN cho Công ty MT vay 180.000.000đ. Ngày 23/8/2016 đại diện hai Công ty đã đối chiếu công nợ, tổng cộng Công ty MT còn nợ Công ty HN 490.896.190đ trong đó tiền nợ vận chuyển là 310.869.190đ, tiền nợ vay là 180.000.000đ, hai bên thỏa thuận đến ngày 31/12/2017 Công ty MT sẽ trả số nợ trên cho Công ty vận tải HN nhưng Công ty MT không trả nợ cho Công ty HN. Hội đồng xét xử thấy hai hợp đồng kinh tế được hai Công ty ký kết là hợp đồng dich vụ giữa Công ty MT do ông Huỳnh Đỗ D1 là giám đốc đại diện ký với Công ty vận tải HN do ông Nguyễn Hồng C đại diện, Công ty HN đã hoàn thành xong nghĩa vụ của mình nên đại diện Công ty có quyền khởi kiện yêu cầu Công Ty MT phải thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty mình, nên việc Công ty MT không đồng ý việc ông Nguyễn Hồng C khởi kiện là không đúng và việc Công ty MT đề nghị Tòa án đợi kết quả giải quyết tranh chấp giữa Công ty MT và các thành viên góp vốn hiện đang được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đang thụ lý cũng không đúng vì đây là quan hệ pháp luật khác giữa Công ty MT với thành viên Công ty, không liên quan đến việc Công ty HN khởi kiện Công ty MT nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Công ty MT đưa ra. Yêu cầu của Công ty HN đối với Công ty MT là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc Công ty R phải trả cho Công ty H, tổng cộng 490.896.190đồng *(Bốn trăm chín mươi triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi đồng)*, trong đó tiền công vận chuyển là 310.896.190đ và 180.000.000đ tiền vay.

[3] Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần vận tải HN tiền tạm ứng án phí đã nộp, Công ty R phải chịu án 15.544.000đ, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 9.000.000đ án

phí dân sự sơ thẩm, theo qui định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, điểm a, b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 74; Điều 78; Điều 82; Điều 85; Điều 87 Luật thương mại năm 2005; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

- Buộc Công ty R phải trả cho Công ty H:

+ Tiền công vận chuyển là 310.896.190đ và tiền vay là 180.000.000đồng.

Tổng cộng 490.896.190đồng *(Bốn trăm chín mươi triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi đồng)*,

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời hạn chưa thi hành án,

- Hoàn trả lại cho Công ty H 10.022.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 23/3/2018 biên lai thu số 0000500 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- Công ty R phải chịu 15.544.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 9.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi Hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi Hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở, UBND nơi đóng trụ sở và trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*